

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16-9-2020

V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Phạm Thị Bẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Đình Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn T N; nơi cư trú: Số 9/31/278 đường Đ, phường V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 19/26/59 đường P, phường V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn V T; nơi cư trú: Số 9/31/278 đường Đ, phường V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn T N trình bày:

Chị và anh Nguyễn V T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 12 năm 2003.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 9 đến 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế. Vợ chồng thường xuyên va chạm, anh T đánh đập chị N và đuổi chị N ra khỏi nhà nhiều lần và không có trách nhiệm với vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay mỗi người ở một nơi, không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bản thân chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn T L, sinh ngày 13/3/2004 và Nguyễn Hoàng T T, sinh ngày 18/5/2013. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi hai con. Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chị N và anh T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt triệu tập anh T, liên hệ trực tiếp làm việc với bị đơn là anh Nguyễn V T nhưng anh T không đến tòa và từ chối không cung cấp thông tin cũng như quan điểm giải quyết vụ án về việc xin ly hôn của chị N đối với anh. Vì vậy Tòa án đã giải quyết theo thủ tục chung. Tòa án tiến hành các buổi hòa giải và mở phiên họp công khai chứng cứ tổng đạt đến anh T theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về cuộc sống hôn nhân của chị N và anh T tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của đại diện gia đình. Các lời khai đều thể hiện mâu thuẫn chị N và anh T là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn T N giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai.

Bị đơn anh T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng việc thụ lý vụ án cũng như quá trình xây dựng lập hồ sơ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Phía nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn của chị Nguyễn T N và anh Nguyễn V T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn T N được ly hôn với anh Nguyễn V T; về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Nguyễn T L, sinh ngày 13/3/2004 và Nguyễn Hoàng T T, sinh ngày 18/5/2013 cho chị N nuôi; về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chị N và anh T tự thỏa thuận nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận vì vậy không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Nguyễn V T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[2] Chị Nguyễn T N và anh Nguyễn V T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Sau khi chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm làm kinh tế, lối sống, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Xét cuộc sống chung của chị N và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần giải quyết cho chị Nguyễn T N được ly hôn với anh Nguyễn V T là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn T N đối với anh Nguyễn V T.

+ Về con chung:

[4] Về con chung: Chị Nguyễn T N và anh Nguyễn V T có hai con chung là Nguyễn T L, sinh ngày 13/3/2004 và Nguyễn Hoàng T T, sinh ngày 18/5/2013.

Khi ly hôn do chị N có công việc và nơi ở ổn định, mặt khác các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ, anh T không chịu làm ăn không có thu nhập để nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao hai con chung là Nguyễn T L và Nguyễn Hoàng T T cho chị N nuôi là phù hợp. Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung:

[5] Chị Nguyễn T N và anh Nguyễn V T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí:

[6] Chị Nguyễn T N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn T N được ly hôn với anh Nguyễn V T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn T L, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2004 và Nguyễn Hoàng T T, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2013 cho chị Nguyễn T N trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn T N và anh Nguyễn V T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn T N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006499 ngày 09/6/2020. Chị Nguyễn T N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Nguyễn T N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn V T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Đường sự;
- UBND phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (đăng ký ngày 14/12/2003)
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang